

Số: 553 /TB-QLTTHCM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2024

THÔNG BÁO
về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2016 của Quốc Hội và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ Tư pháp về hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Phòng Tổ chức – Hành chính tại Tờ trình số 68./TTr-TCHC ngày 28 tháng 02 năm 2024 về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản.

Cục Quản lý thị trường thành phố Hồ Chí Minh là đơn vị có tài sản đấu giá thông báo đến các tổ chức đấu giá tài sản một số nội dung liên quan đến việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản để ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá đối với tài sản như sau:

Tên, địa chỉ của người có tài sản đấu giá: Cục Quản lý thị trường thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ: số 242 Điện Biên Phủ, phường Võ Thị Sáu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

1. Thông tin tài sản đấu giá:

Tên tài sản: Đầu máy may công nghiệp; cục nóng, lạnh máy điều hòa không khí; áo khoác; dép nhựa; túi xách; quần, áo các loại; ghế công thái học; vải các loại; vali; bộ bàn ghế trang điểm, (Bảng kê chi tiết hàng hóa sẽ cung cấp cho Tổ chức đấu giá tài sản được chọn ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản).

Giá khởi điểm: 233.735.000 đồng, (Hai trăm ba mươi ba triệu bảy trăm ba mươi lăm ngàn đồng).

2. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản:

2.1 Nhóm tiêu chí về cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá.

2.2 Nhóm tiêu chí về phương án đấu giá khả thi, hiệu quả.

2.3 Nhóm tiêu chí về năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản.

2.4 Nhóm tiêu chí về thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp.

2.5 Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố.

2.6 Nhóm tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định.

Tổ chức đấu giá tài sản phải đáp ứng 100% các tiêu chí bắt buộc mới được đưa vào đánh giá về điểm. Trường hợp không đạt một trong số các tiêu chí bắt buộc thì bị đánh giá là không đạt và bị loại ngay từ vòng sơ tuyển.

BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM

(Theo Phụ lục I, Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp)

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	23
1	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	11
1.1	Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)	6
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện	5
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	8
2.1	Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá	4
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá	4
3	Có trang thông tin điện tử đang hoạt động	2
4	Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	1
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1
II	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	22
1	Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan	4
2	Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức	4

	đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	
3	Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, dìm giá	4
4	Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá	4
5	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá	3
6	Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá	3
III	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản	45
1	Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5	6
1.1	Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)	2
1.2	Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng	3
1.3	Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng	4
1.4	Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng	5
1.5	Từ 30 hợp đồng trở lên	6
2	Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) - Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5	18
2.1	Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)	10
2.2	Từ 20% đến dưới 40%	12
2.3	Từ 40% đến dưới 70%	14
2.4	Từ 70% đến dưới 100%	16

2.5	<i>Từ 100% trở lên</i>	18
3	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) - Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3	5
3.1	<i>Dưới 03 năm</i>	3
3.2	<i>Từ 03 năm đến dưới 05 năm</i>	4
3.3	<i>Từ 05 năm trở lên</i>	5
4	Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản - Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3	3
4.1	<i>01 đấu giá viên</i>	1
4.2	<i>Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên</i>	2
4.3	<i>Từ 05 đấu giá viên trở lên</i>	3
5	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản) - Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3	4
5.1	<i>Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên</i>	2
5.2	<i>Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên</i>	3
5.3	<i>Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên</i>	4
6	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng - Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4	5
6.1	<i>Dưới 50 triệu đồng</i>	2
6.2	<i>Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng</i>	3

6.3	Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng	4
6.4	Từ 200 triệu đồng trở lên	5
7	Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động - Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2	3
7.1	Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)	2
7.2	Từ 03 nhân viên trở lên	3
8	Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn	1
IV	Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp - Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3	5
1	Bảng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính	3
2	Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	4
3	Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	5
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	5
1	Hồ sơ năng lực có đầy đủ chi tiết giấy tờ liên quan theo quy định; các tài liệu trong hồ sơ năng lực được xếp theo thứ tự các mục nêu tại "Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm" kèm theo Thông báo này; Nộp hồ sơ năng lực sớm nhất.	2
2	Có giấy đăng ký hoạt động trên địa bàn TP.HCM;	1
3	Có bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp còn thời hạn cho tất cả đấu giá viên;	1
4	Cạnh tranh về thù lao dịch vụ đấu giá tài sản có lợi nhất cho chủ tài sản	1
Tổng số điểm		100

VI	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1	Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2	Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện

3. Tiêu chí – thời gian – Địa điểm tiếp nhận hồ sơ đăng ký:

3.1 Tiêu chí: Đơn vị tổ chức đấu giá phải có đầy đủ các tiêu chí theo Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản theo Bảng tiêu chí, đánh giá, chấm điểm tổ chức tài sản.

3.2 Thời gian: Thời gian nhận hồ sơ đăng ký tham gia trong 05 ngày làm việc kể từ ngày 29 / 02/2024 đến hết ngày 06 / 3 /2024 (trong giờ hành chính).

3.3 Địa điểm nộp hồ sơ: Phòng Tổ chức - Hành chính Cục Quản lý thị trường thành phố, địa chỉ số: 242 Điện Biên Phủ, phường Võ Thị Sáu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp Tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn không đến làm thủ tục ký kết hợp đồng trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Cục Quản lý thị trường thành phố Hồ Chí Minh ban hành thông báo kết quả lựa chọn tổ chức đấu giá thì xem như từ chối ký kết hợp đồng. Cục Quản lý thị trường thành phố Hồ Chí Minh có quyền liên hệ và ký kết hợp đồng với Tổ chức đấu giá tài sản có kết quả chấm điểm cao kế tiếp để đảm bảo công tác xử lý tài sản được triển khai đúng thời gian quy định.

Lưu ý: Người đến nộp hồ sơ phải mang theo giấy giới thiệu, CMND/CCCD (không hoàn trả hồ sơ đối với các hồ sơ không được lựa chọn).

Cục Quản lý thị trường thành phố Hồ Chí Minh rất mong nhận được sự hợp tác của các Tổ chức đấu giá chuyên nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh./.

Nơi nhận:

- Niêm yết tại Cục QLTT.TP;
- Đăng trên Cổng TTĐT QG về đấu giá tài sản;
- Đăng trên trang TTĐT Cục QLTT;
- Cục trưởng (Đề báo cáo);
- TCHC; (NYXLTS 02/24);
- Lưu: VT.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Hà Trung Cang

BẢNG KÊ QUYẾT ĐỊNH VÀ DANH MỤC TANG VẬT VI PHẠM HÀNH CHÍNH BÁN ĐẦU GIÁ (ĐỘI 18)

(Đính kèm Thông báo số **553** /TB-QLTTHCM ngày **18** tháng 02 năm 2024 của Cục Quản lý thị trường thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Cơ quan ban hành	Quyết định xử phạt		Hành vi vi phạm	Tài sản	Chủng loại, nhãn hiệu, Imei, Seri	Nguồn gốc, xuất xứ	Chất lượng hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá theo QĐXP	Đơn giá khảo sát	Thành tiền theo giá khảo sát	Ghi chú
		Số	Ngày tháng											
1	ĐỘI SỐ 18 (CỤC)	02000492	30/5/2023	Hàng hóa nhập lậu	Đầu máy may công nghiệp (không rõ linh kiện, chất lượng bên trong)	Không hiệu, 200-240V	Trung Quốc	Đã qua sử dụng	Cái	42	1,250,000	320,000	13,440,000	TT 1616/QĐ 246
2	ĐỘI SỐ 18 (CỤC)	02000520	07/6/2023	Hàng hóa nhập lậu thuộc danh mục cấm nhập khẩu	Cục nóng máy điều hòa không khí	mã: R40FPP	Trung Quốc	Đã qua sử dụng	Cục	1	2,000,000	700,000	700,000	TT 1834/QĐ 252
"	"	"	"	"	Cục nóng máy điều hòa không khí	mã: RAC-2810MX	"	"	Cục	1	2,000,000	700,000	700,000	"
"	"	"	"	"	Cục nóng máy điều hòa không khí	mã: R22MES	"	"	Cục	2	2,000,000	700,000	1,400,000	"
"	"	"	"	"	Cục nóng máy điều hòa không khí	mã: R22LES	"	"	Cục	2	2,000,000	700,000	1,400,000	"
"	"	"	"	"	Cục nóng máy điều hòa không khí	mã: R22NES	"	"	Cục	1	2,000,000	700,000	700,000	"
"	"	"	"	"	Cục nóng máy điều hòa không khí	mã: R22PES	"	"	Cục	1	2,000,000	700,000	700,000	"

STT	Cơ quan ban hành	Số	Ngày tháng	Hành vi vi phạm	Tài sản	Chủng loại, nhãn hiệu, Iimei, Seri	Nguồn gốc, xuất xứ	Chất lượng hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá theo QĐXP	Đơn giá khảo sát	Thành tiền theo giá khảo sát	Ghi chú
"	"	"	"	"	Cục nóng máy điều hòa không khí	mã: R36CCV	"	"	Cục	1	2,000,000	700,000	700,000	"
"	"	"	"	"	Cục nóng máy điều hòa không khí	mã: AR22MKS	"	"	Cục	1	2,000,000	700,000	700,000	"
"	"	"	"	"	Cục lạnh máy điều hòa không khí	mã: AN50FRP-W	"	"	Cục	1	1,200,000	500,000	500,000	"
"	"	"	"	"	Cục lạnh máy điều hòa không khí	mã: F22JNS-W	"	"	Cục	1	1,200,000	500,000	500,000	"
"	"	"	"	"	Cục lạnh máy điều hòa không khí	mã: F22JTNS-W	"	"	Cục	2	1,200,000	500,000	1,000,000	"
"	"	"	"	"	Cục lạnh máy điều hòa không khí	mã: F50PTCXP-W	"	"	Cục	1	1,200,000	500,000	500,000	"
"	"	"	"	"	Cục lạnh máy điều hòa không khí	mã: F36GTUXS-W	"	"	Cục	1	1,200,000	500,000	500,000	"
"	"	"	"	"	Cục lạnh máy điều hòa không khí	mã: RAS - 2810MX	"	"	Cục	1	1,200,000	500,000	500,000	"
"	"	"	"	"	Cục lạnh máy điều hòa không khí	mã: F28FTSS-W	"	"	Cục	1	1,200,000	500,000	500,000	"
"	"	"	"	"	Cục lạnh máy điều hòa không khí	mã: F25JTNS-W	"	"	Cục	1	1,200,000	500,000	500,000	"
"	"	"	"	"	Cục lạnh máy điều hòa không khí	mã: F40GTUXP-W	"	"	Cục	1	1,200,000	500,000	500,000	"

STT	Cơ quan ban hành	Số	Ngày tháng	Hành vi vi phạm	Tài sản	Chủng loại, nhãn hiệu, Imei, Seri	Nguồn gốc, xuất xứ	Chất lượng hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá theo QĐXP	Đơn giá khảo sát	Thành tiền theo giá khảo sát	Ghi chú
													-	
3	ĐỘI SỐ 18 (CỤC)	02000500	01/6/2023	Theo Giấy chứng nhận số TQC.7.4555.23.08 ngày 04/7/2023 chứng nhận sản phẩm phù hợp với các yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 01:2017/BCT của Trung tâm kiểm nghiệm và chứng nhận chất lượng TQC									-	
"	"	"	"	Hàng hóa nhập lậu	Áo khoác	Không hiệu	Trung Quốc	Chưa qua sử dụng	Cái	600	60,000	27,000	16,200,000	TT 2035/QĐ 277
"	"	"	"	"	Đép nhựa nữ	Không có nhãn hiệu	Trung Quốc	Chưa qua sử dụng	Đôi	300	50,000	21,000	6,300,000	"
													-	
4	ĐỘI SỐ 18 (CỤC)	02000651	06/7/2023	Hàng hóa nhập lậu thuộc danh mục cấm nhập khẩu	Túi xách các loại	Không hiệu	Trung Quốc	Đã qua sử dụng	Cái	350	90,000	25,000	8,750,000	TT 2035/QĐ 277
													-	
5	ĐỘI SỐ 18 (CỤC)	02000513	05/6/2023	Theo Giấy chứng nhận số TQC.7.4555.23.9 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Trung tâm Kiểm nghiệm và Chứng nhận TQC CGLOBAL đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 01:2017/BCT									-	TT 2379/QĐ 318
"	"	"	"	Hàng hoá không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Quần ngắn	Không hiệu	Không rõ	chưa qua sử dụng	cái	2,000	5,000	3,000	6,000,000	"
"	"	"	"	"	Áo nữ	"	"	"	cái	1,700	25,000	10,000	17,000,000	"
													-	

STT	Cơ quan ban hành	Số	Ngày tháng	Hành vi vi phạm	Tài sản	Chủng loại, nhãn hiệu, Iimei, Seri	Nguồn gốc, xuất xứ	Chất lượng hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá theo QĐXP	Đơn giá khảo sát	Thành tiền theo giá khảo sát	Ghi chú
6	ĐỘI SỐ 18 (CỤC)	02001118	06/9/2023	Hàng hóa nhập lậu	Ghế công thái học	Không hiệu	Trung Quốc	chưa qua sử dụng	cái	60	900,000	430,000	25,800,000	TT 2943/QĐ 446
													-	
7	ĐỘI SỐ 18 (CỤC)	02000897	09/8/2023	Theo Giấy chứng nhận số TQC.7.4557.23.10 ngày 21/9/2023 chứng nhận sản phẩm phù hợp với các yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 01:2017/BCT của Trung tâm kiểm nghiệm và chứng nhận chất lượng TQC									-	
"	"	"	"	Hàng hóa không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Vải thun	Khô 1.75 mét	Không rõ	chưa qua sử dụng	Kg	1,800	35,000	13,000	23,400,000	TT 2943/QĐ 446
													-	
8	ĐỘI SỐ 18 (CỤC)	02001056	28/8/2023	Theo Giấy chứng nhận số TQC.7.4557.23.11 ngày 25/9/2023 chứng nhận sản phẩm phù hợp với các yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 01:2017/BCT của Trung tâm kiểm nghiệm và chứng nhận chất lượng TQC									-	
"	"	"	"	Hàng hóa không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Áo sơ mi trẻ em	Không hiệu	Không rõ	chưa qua sử dụng	cái	130	35,000	17,000	2,210,000	TT 2943/QĐ 446
"	"	"	"	"	Áo thun trẻ em	"	"	"	cái	910	30,000	10,000	9,100,000	"
"	"	"	"	"	Quần jeans ngắn trẻ em	"	"	"	cái	175	30,000	15,000	2,625,000	"
"	"	"	"	"	Quần thun ngắn trẻ em	"	"	"	cái	900	15,000	6,000	5,400,000	"
													-	
9	ĐỘI SỐ 18 (CỤC)	02001225	27/9/2023	Hàng hóa nhập lậu	Vali	Hiệu Bamozo, 01 bộ gồm: 01 cái vali loại 20 inch và 01 cái vali loại 24 inch	Trung Quốc	chưa qua sử dụng	bộ	60	850,000	430,000	25,800,000	TT 2943/QĐ 446
													-	

STT	Cơ quan ban hành	Số	Ngày tháng	Hành vi vi phạm	Tài sản	Chủng loại, nhãn hiệu, Imei, Seri	Nguồn gốc, xuất xứ	Chất lượng hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá theo QĐXP	Đơn giá khảo sát	Thành tiền theo giá khảo sát	Ghi chú	
10	ĐỘI SỐ 18 (CỤC)	02001184	19/9/2023	Hàng hóa nhập lậu	Theo Giấy chứng nhận số TQC.7.4555.23.12 ngày 16 tháng 10 năm 2023 chứng nhận sản phẩm phù hợp với các yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 01:2017/BCT của Trung tâm kiểm nghiệm và chứng nhận chất lượng TQC										-
"	"	"	"	"	Quần jeans dài	Không hiệu	Trung quốc	Chưa qua sử dụng	cái	300	170,000	55,000	16,500,000	TT 3316/QĐ 446	
													-		
11	ĐỘI SỐ 18 (CỤC)	02001426	24/10/2023	Hàng hóa nhập lậu	Bộ bàn, ghế trang điểm	Không hiệu, mã BP027, năm sản xuất: 2023, 01 bộ gồm: 01 cái bàn trang điểm có gương, 01 cái tủ có 03 ngăn kéo vuông và 01 cái ghế ngồi)	Trung quốc	Chưa qua sử dụng	bộ	35	1,500,000	670,000	23,450,000	TT 3419/QĐ 446	
													-		
12	ĐỘI SỐ 18 (CỤC)	02001584	15/11/2023	Theo Giấy chứng nhận số TQC.7.4555.23.13 ngày 07/12/2023 chứng nhận sản phẩm phù hợp với các yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 01:2017/BCT của Trung tâm kiểm nghiệm và chứng nhận chất lượng TQC										-	
"	"	"	"	Hàng hóa không rõ nguồn gốc, xuất xứ	Vải thun	Khổ 1.2 mét đến 1.6 mét	Không rõ	chưa qua sử dụng	kg	1,520	35,000	13,000	19,760,000	TT 3848/QĐ 484	
TỔNG CỘNG										10,902			233,735,000		